

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 586
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 586

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 586 DEVELOPMENT INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: 586 DEVELOPMENT CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109922122

3. Ngày thành lập: 03/03/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 30D phố Kim Mã Thượng, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0946.461.586

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Bảo vệ công trình xây dựng - Phòng chống môi cho công trình xây dựng mới	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các Sản phẩm chế biến từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác;	4632

9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
16.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng hoá công ty kinh doanh	8299
21.	Đào tạo sơ cấp (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8531
22.	Đào tạo trung cấp (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8532
23.	Đào tạo cao đẳng (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8533
24.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
25.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
26.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	7020
27.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
28.	Cho thuê xe có động cơ	7710

29.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
30.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
31.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
32.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
33.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
34.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
35.	Sản xuất sợi	1311
36.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
37.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
38.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
39.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
40.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
41.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
42.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
43.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
44.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
45.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
46.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
47.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
48.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
49.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
50.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
51.	In ấn (Trừ loại Nhà nước cấm)	1811
52.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
53.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại Nhà nước cấm)	1820
54.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
55.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
56.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
57.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
58.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
59.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
60.	Sản xuất máy luyện kim	2823

61.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
62.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
63.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
64.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
65.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
66.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
67.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
68.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
69.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
70.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
71.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
72.	Bốc xếp hàng hóa	5224
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
74.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
75.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
76.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
77.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
78.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ hoạt động của các trung tâm tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm)	7810
79.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
80.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Trừ cho thuê lại lao động)	7830
81.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
82.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
83.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
84.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
85.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
86.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
87.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
88.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
89.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
90.	Xây dựng nhà để ở	4101

91.	Xây dựng nhà không để ở	4102
92.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
93.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
94.	Xây dựng công trình điện	4221
95.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
96.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
97.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
98.	Xây dựng công trình thủy	4291
99.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
100.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
101.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
102.	Phá dỡ (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4311
103.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
104.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
105.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
106.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
107.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
108.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
109.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
110.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
111.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

Thời gian đăng từ ngày 03/03/2022 đến ngày 02/04/2022

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG ĐỨC THƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *20/02/1993*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *034093006741*

Ngày cấp: *16/09/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Vạn Đồn, Xã Hồng Dũng, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Vạn Đồn, Xã Hồng Dũng, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*